

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Ban hành chương trình đào tạo các ngành đại học chính quy 2022
của Trường Đại học Thái Bình Dương**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 1929/QĐ-TTg, ngày 31/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc Thành lập Trường Đại học Thái Bình Dương;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-ĐHTBD-HNNĐT ngày 17/11/2020 của Hội nghị nhà đầu tư về việc công nhận bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Quyết định số 251/QĐ-ĐHTBD ngày 07/12/2020 của Hiệu trưởng về việc phân công công tác Ban giám hiệu Trường Đại học Thái Bình Dương;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT, ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT, ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định 255/QĐ-ĐHTBD, ngày 28/10/2021 của Hiệu trưởng về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Thái Bình Dương;

Căn cứ vào các Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo góp ý về chương trình đào tạo đại học chính quy năm 2022;

Theo đề nghị của Trường các Khoa và Trường phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Chương trình đào tạo đại học chính quy các ngành” của Trường đại học Thái Bình Dương (có chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Chương trình đào tạo này được áp dụng đối với các khóa tuyển sinh và đào tạo kể từ năm 2022.

Điều 3. Trường khoa, Trường Bộ môn, Trường phòng Đào tạo và Trường các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- HĐT (để báo cáo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu VT, ĐT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Quốc Lộc

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH DƯƠNG

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CỬ NHÂN NGÔN NGỮ ANH**

Ngành đào tạo : Ngôn ngữ Anh

Trình độ đào tạo : Đại học

Mã ngành : 7220201

Chuyên ngành

Mã chuyên ngành	Tên chuyên ngành	Lớp định hướng áp dụng
7220201.01	Tiếng Anh thương mại-du lịch	Chính quy 2022
7220201.02	Giảng dạy tiếng Anh	Chính quy 2022

(Ban hành theo Quyết định số: 232A/QĐ-ĐHTBD ngày 29/8/2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương)

Khánh Hòa, 2022

MỤC LỤC

PHẦN 1. KHÁI QUÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH.....	1
1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo	1
1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo	1
PHẦN 2. CĂN CỨ XÂY DỰNG VÀ ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH	2
2.1. Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi của Trường Đại học Thái Bình Dương	2
2.2. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Thái Bình Dương	2
2.3. Căn cứ pháp lý	3
2.4. Căn cứ thực tiễn	3
PHẦN 3. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO, CHUẨN ĐẦU RA VÀ CƠ HỘI NGHỀ NGHIỆP	4
3.1. Mục tiêu đào tạo	4
3.2. Chuẩn đầu ra.....	4
3.3. Cơ hội nghề nghiệp	5
PHẦN 4. TUYỂN SINH, ĐÀO TẠO VÀ TỐT NGHIỆP	6
4.1. Tiêu chí tuyển sinh.....	6
4.2. Tổ chức đào tạo	6
4.3. Điều kiện tốt nghiệp.....	8
PHẦN 5. NỘI DUNG ĐÀO TẠO	8
5.1. Cấu trúc chương trình	8
5.2. Danh mục môn học.....	9
5.3. Hoạt động hỗ trợ đào tạo	12
PHẦN 6. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	13
6.1. Đối sánh sự đóng góp của mỗi môn học vào chuẩn đầu ra của chương trình	13
6.2. Đối sánh với một số chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo khác	15
PHẦN 7. LỘ TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN.....	16
7.1. Lộ trình đào tạo tối ưu	16
7.2. Hướng dẫn thực hiện chương trình.....	18

PHẦN 1. KHÁI QUÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Tiếng Anh là ngôn ngữ toàn cầu, hiện diện trong mọi lĩnh vực đời sống, và ngày càng đóng vai trò quan trọng trong tất cả các ngành nghề từ thương mại, kinh doanh cho đến hợp tác quốc tế. Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh tại ĐH Thái Bình Dương trao cho sinh viên cơ hội được học trực tiếp với giảng viên người bản xứ và giảng viên có nhiều năm tu nghiệp tại nước ngoài trong nhiều môn chuyên ngành.

Một mặt, sinh viên được đào tạo chuyên sâu về ngôn ngữ Anh, tìm hiểu về văn hóa Anh - Mỹ và các nước nói tiếng Anh, được “sống” và học tập trong môi trường đa văn hóa với các hoạt động giáo dục đa dạng như: xử lý tình huống giả định, phân tích ví dụ điển hình, thực hành thông qua dự án và làm đồ án nhóm. Thông qua đó, sinh viên sẽ hoàn thiện kiến thức chuyên môn và các kỹ năng cần thiết của thế kỷ 21 để giao tiếp tự tin với người nước ngoài và làm việc hiệu quả trong môi trường quốc tế hóa.

Mặt khác, chương trình học đề cao tính ứng dụng và thực tế, thông qua việc cập nhật các xu hướng mới, lồng ghép các vấn đề nổi bật trong xã hội vào các hoạt động giảng dạy trên lớp.

Chương trình Ngôn ngữ Anh đào tạo hai chuyên ngành chuyên sâu, bao gồm: Giảng dạy Tiếng Anh và Tiếng Anh Thương mại-Du lịch.

Sinh viên được lựa chọn một trong hai chuyên ngành trên theo học và ngay từ năm thứ nhất, sinh viên đã bắt đầu được tư vấn để lựa chọn chuyên ngành phù hợp với bản thân. Nhờ đó, sinh viên có quá trình học hỏi và tìm hiểu sâu về ngành học, đảm bảo sẵn sàng làm việc khi tốt nghiệp, nâng cao cơ hội nghề nghiệp.

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

- a) Ngành đào tạo : Ngôn ngữ Anh
- Tên tiếng Anh : English Language
 - Mã ngành cấp 4 : 7220201
 - Trình độ đào tạo : Đại học
 - Loại hình đào tạo : Chính quy
 - Loại văn bằng : Cử nhân
 - Thời gian đào tạo : 3,5 năm
 - Tổng số tín chỉ : 130 tín chỉ¹

b) Chuyên ngành

Mã chuyên ngành	Tên chuyên ngành	
	Tiếng Việt	Tiếng Anh
7220201.01	Tiếng Anh thương mại-du lịch	English for Business and Tourism
7220201.02	Giảng dạy tiếng Anh	Teaching English as a Foreign Language

¹ Trong đó đã bao gồm 9 tín chỉ không tính vào điểm trung bình chung gồm các môn Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng – An ninh.

c) **Cơ sở đào tạo và cấp bằng:** Trường Đại học Thái Bình Dương

d) **Đơn vị tổ chức giảng dạy:** Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa

PHẦN 2. CĂN CỨ XÂY DỰNG VÀ ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH

2.1. Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi của Trường Đại học Thái Bình Dương

a) **Tầm nhìn:** Đại học Thái Bình Dương là đại học miền duyên hải có uy tín, có khả năng quy tụ giảng viên xuất sắc và sinh viên triển vọng với môi trường giáo dục liêm chính, chuẩn mực quốc tế.

b) **Sứ mệnh:** Đại học Thái Bình Dương truyền thụ và phát triển tri thức nhằm đào tạo người học có năng lực tự chủ trong cuộc sống và nghề nghiệp, thích ứng với môi trường kinh tế, xã hội, công nghệ toàn cầu và trở thành công dân hữu ích, hạnh phúc, đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của địa phương và xã hội.

c) **Giá trị cốt lõi:** Trong mọi quyết định hành động của mình, tập thể sư phạm và sinh viên trường Đại học Thái Bình Dương cam kết theo đuổi các giá trị cốt lõi sau đây:

GIÁ TRỊ	ĐẢM BẢO
Chính trực	Thực hành sự tử tế và sự trung thực trong lời nói và hành động.
Tự do học thuật	Ủng hộ việc mở rộng phạm vi tìm hiểu và nghiên cứu.
Tôn trọng sự khác biệt	Ủng hộ sự khác biệt trên cơ sở tôn trọng sự thực, phẩm cách, lẽ phải, công bằng và đạo lý.
Trách nhiệm	Sự tự khẳng định trách nhiệm cá nhân trước mỗi chọn lựa, quyết định hành động.
Cách tân	Ủng hộ giải pháp sáng tạo.
Hài hòa	Cân nhắc đủ các thành tố cần thiết trong việc ra quyết định hành động.

2.2. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Thái Bình Dương

“THỰC HỌC – TOÀN DIỆN – TRAO QUYỀN – TƯƠNG TÁC – THẤU CẢM”

a) **Thực học:** Sinh viên được trải nghiệm thực tế như một phần cốt lõi của chương trình học như làm dự án thật từ doanh nghiệp, học qua nghiên cứu trường hợp thực tế, kết nối với chuyên gia nghề nghiệp, trong các không gian thực hành đa dạng.

b) **Toàn diện:** Sinh viên phát triển năng lực toàn diện được tích hợp vào từng môn học: Từ tư duy phân tích, phản biện, sáng tạo đến giao tiếp, thuyết trình và truyền thông; Từ thông minh cảm xúc đến trách nhiệm cá nhân và dân thân xã hội.

c) **Trao quyền:** Sinh viên làm chủ quá trình học tập, được đối xử như những cá nhân trưởng thành, được phản hồi thường xuyên từ giảng viên và chuyên gia. Môi trường học tập dân chủ giúp sinh viên phát huy sức mạnh bản thân, tạo sức bật độc đáo cho từng cá nhân.

d) **Tương tác:** Sinh viên tương tác thường xuyên và có ý nghĩa với giảng viên, người cùng học, lãnh đạo trường, cựu sinh viên, với các cá nhân và tổ chức để việc học hiệu quả và hứng khởi. Tương tác giúp sinh viên xây dựng cho mình một mạng lưới các kết nối hữu ích cho cuộc sống và công việc ngay từ khi còn đi học.

e) Thấu cảm: Sinh viên phát triển lòng thấu cảm vừa thông qua nhận thức cảm xúc của bản thân và người khác, vừa thông qua thực hành sống tử tế và nhân ái.

2.3. Căn cứ pháp lý

a) Văn bản pháp luật của nhà nước

- Luật Giáo dục đại học năm 2012, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học năm 2018;
- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;
- Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;
- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về Chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;
- Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định điều kiện, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo;
- Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

b) Văn bản của Trường Đại học Thái Bình Dương

- Nghị quyết số 04/NQ-ĐHTBD-HĐQT ngày 20/11/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương Ban hành chiến lược phát triển trường giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2030 (bao gồm sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục);
- Quyết định số 188/QĐ-ĐHTBD ngày 09/8/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương Ban hành Quy trình về xây dựng, thẩm định, ban hành, rà soát, đánh giá, cập nhật chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;
- Quyết định số 255/QĐ-ĐHTBD ngày 28/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

2.4. Căn cứ thực tiễn

- Ngôn ngữ Anh ngày nay đã trở thành một phần tất yếu của cuộc sống và công việc toàn cầu. Trong một môi trường với nhu cầu quốc tế hóa ngày càng cao và tiếng Anh được sử dụng làm ngôn ngữ giao tiếp chính thức trong công việc ở hầu hết các ngành nghề và tại hầu hết các quốc gia trên thế giới thì khả năng sử dụng tiếng Anh đã trở thành một nhu cầu thiết yếu cho mỗi công dân trong thế giới toàn cầu này.
- Trong bối cảnh đó, các doanh nghiệp trong nước đang nỗ lực không ngừng để nâng cao trình độ tiếng Anh của cán bộ nhân viên nhằm đáp ứng nhu cầu công việc với các đối tác nước ngoài và giúp doanh nghiệp Việt vươn ra thế giới.
- Qua quá trình thực hiện các chương trình đào tạo (CTĐT) trước đây kết hợp với những đúc kết trải nghiệm của cựu sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh (NNA), tổ chuyên môn ngôn ngữ Anh tại đại học Thái Bình Dương đã không ngừng cải tiến để nâng cao chất lượng và cập nhật chương trình đào tạo để ngày càng đáp ứng được sát sao nhu cầu thực tiễn và yêu cầu của xã hội.

Dựa trên những căn cứ đó, CTĐT ngành NNA 2022 của ĐH Thái Bình Dương được xây dựng để không chỉ giúp sinh viên phát triển khả năng về ngôn ngữ mà còn gắn ngôn ngữ với những chuyên ngành cụ thể để có thể sẵn sàng làm những công việc đang có nhu cầu cao trong xã hội. Cụ thể có hai chuyên ngành: Giảng dạy tiếng Anh và Tiếng Anh thương mại-du lịch.

PHẦN 3. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO, CHUẨN ĐẦU RA VÀ CƠ HỘI NGHỀ NGHIỆP

3.1. Mục tiêu đào tạo

Với đội ngũ giảng viên người Việt và người bản xứ với nhiều năm kinh nghiệm trong việc giảng dạy tiếng Anh, SV sẽ nâng cao trình độ tiếng Anh, hoàn thiện kiến thức chuyên môn về ngôn ngữ Anh và tự tin giao tiếp với người nước ngoài. SV được học thông qua “trải nghiệm” với các hoạt động giáo dục đa dạng, ví dụ xử lý tình huống giả định, làm việc nhóm và phân tích ví dụ điển hình. Để cao tính ứng dụng và thực tế, thông qua việc cập nhật các xu hướng mới và lồng ghép các vấn đề nổi bật trong xã hội vào các hoạt động giảng dạy trên lớp, ngành Ngôn Ngữ Anh tại TBD cung cấp kiến thức thực tiễn cho SV về ngành nghề đã chọn, giúp SV làm việc hiệu quả và thành công trong môi trường quốc tế (ví dụ như công ty, tập đoàn đa quốc gia). Hiện nay, ngành Ngôn ngữ Anh đang có hai chuyên ngành: Giảng dạy tiếng Anh và Tiếng Anh thương mại-du lịch.

Chuyên môn sâu: Sinh viên khám phá các học phần chuyên ngành kết hợp ứng dụng vào thực tiễn việc làm thông qua các đề án, hoạt động thực hành tích hợp, kỳ thực tập, các chuyên đề với chuyên gia trong nước và quốc tế.

Nền tảng rộng: Sinh viên rèn luyện liên tục các nhóm kiến thức và năng lực sau:

- Kiến thức tổng quát về con người, xã hội và tự nhiên
- Kỹ năng thực hành và năng lực trí tuệ
- Trách nhiệm cá nhân và đạo đức xã hội
- Thích nghi thực tiễn
- Ngoại ngữ

3.2. Chuẩn đầu ra

TT	Nội dung chuẩn đầu ra
PLO1	Trở thành chuyên gia về ngôn ngữ Anh, thông qua việc hiểu và vận dụng kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ Anh (ví dụ như cú pháp học, ngữ âm học và âm vị học) vào đời sống và công việc.
PLO2	Áp dụng linh hoạt kiến thức về khoa học xã hội và ngôn ngữ ứng dụng phục vụ cho đời sống và công việc (ví dụ như hiểu và vận dụng tâm lý khách hàng và tâm lý học sư phạm).
PLO3	Trở thành chuyên viên trong các chuyên ngành đã chọn, thông qua việc hiểu các thuật ngữ chuyên ngành (bằng tiếng Anh), nắm rõ kiến thức cơ bản của chuyên ngành và biết các phương pháp ứng dụng kiến thức đã học vào thực tế.
PLO4	Phát triển tư duy về mặt ngôn ngữ và kỹ năng công dân toàn cầu, thích nghi với môi trường làm việc quốc tế (ví dụ như các tập đoàn đa quốc gia và tổ chức quốc tế).
PLO5	Sử dụng lưu loát các kỹ năng nghe, nói, đọc viết bằng tiếng Anh trong các vấn đề chuyên môn và một vài vấn đề xã hội; đạt trình độ tương đương IELTS 6.5.

PLO6	Rèn luyện các kỹ năng nghiệp vụ quan trọng trong từng chuyên ngành đã chọn, cụ thể: - o Tiếng Anh Thương mại-Du lịch: hướng dẫn tour, thuyết minh viên tại các công ty du lịch, lễ tân tại các nhà hàng, khách sạn, nhân viên tại các công ty, doanh nghiệp quốc tế; tự tin giao tiếp và làm việc với khách nước ngoài; biên phiên dịch các văn bản Tiếng Anh; hiểu một số vấn đề pháp lý trong hoạt động doanh nghiệp. - o Giảng dạy tiếng Anh: quản lý lớp học và tương tác với học sinh ở các lứa tuổi khác nhau (ví dụ trẻ em), chuẩn bị giáo án, thiết kế bài đánh giá và ứng dụng công nghệ trong giảng dạy.
PLO7	Có thói quen tư duy đa chiều, liên ngành và sáng tạo; có thói quen tự học; có năng lực ngôn ngữ tiếng Việt và ngoại ngữ; linh hoạt thích ứng trước những thay đổi của cuộc sống.
PLO8	Quản lý cảm xúc cá nhân trong giao tiếp, làm việc nhóm và quan hệ xã hội; biết lưu tâm đến những khác biệt về văn hóa, sắc tộc, giới tính, giá trị, niềm tin v.v. để ứng xử phù hợp trong những hoàn cảnh đa dạng của công việc và cuộc sống.
PLO9	Có thói quen cân nhắc khía cạnh đạo đức của hành vi, hành động và quyết định cá nhân; quan tâm và gắn kết với những câu hỏi lớn và dai dẳng của thời đại như môi trường, bất bình đẳng, đói nghèo, xung đột.

3.3. Cơ hội nghề nghiệp

Tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành ngôn ngữ Anh với một trong hai lựa chọn về chuyên ngành nêu trên, cử nhân ngành ngôn ngữ Anh trường ĐH TBD sẽ có cơ hội làm việc ở trong các lĩnh vực và vị trí nghề nghiệp tương ứng dưới đây:

❖ Lĩnh vực nghề nghiệp

- Giáo dục
- Kinh doanh
- Nhà Hàng- Khách sạn

❖ Vị trí nghề nghiệp

- Hướng dẫn viên, chuyên viên tư vấn tại các công ty du lịch, lữ hành, nhà hàng khách sạn;
- Giáo viên giảng dạy và nghiên cứu, trợ giảng tại các trường cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, trung tâm ngoại ngữ, gia sư tiếng Anh tại nhà;
- Tư vấn tại trung tâm ngoại ngữ, trung tâm hỗ trợ dịch vụ du học, đại học quốc tế;
- Biên dịch viên, phiên dịch viên trong các doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức kinh tế, xã hội của Việt Nam và quốc tế;
- Nhân viên tại văn phòng đại diện của các tập đoàn/ công ty nước ngoài tại Việt Nam;
- Thư ký, trợ lý trong các công ty nước ngoài, tập đoàn đa quốc gia;
- Học sinh viên có thể tiếp tục học ở các bậc học cao hơn.

PHẦN 4. TUYỂN SINH, ĐÀO TẠO VÀ TỐT NGHIỆP

4.1. Tiêu chí tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Thái Bình Dương.

4.2. Tổ chức đào tạo

a) Thời gian đào tạo: Tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ, thời gian thiết kế là 3,5 năm bao gồm cả thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp, được chia làm 11 học kỳ.

b) Phân đoạn đào tạo

GIẢI ĐOẠN	MÔ TẢ
Khai phóng tiềm năng	Phát triển năng lực toàn diện và thông minh cảm xúc, đánh giá được năng lực và kỹ năng nổi bật của bản thân, hiểu biết cơ bản kiến thức ngành học.
Khám phá ngành nghề	Hiểu rõ đam mê, điểm mạnh và lợi thế của bản thân trong định hướng nghề nghiệp với sự hỗ trợ của những giảng viên nhiều kinh nghiệm.
Phát triển chuyên môn	Tích lũy kiến thức chuyên môn, thực tập và trải nghiệm thực tế, áp dụng kiến thức vào thực tiễn, đào sâu kiến thức chuyên ngành và xác định con đường nghề nghiệp.
Làm chủ bản thân	Tham gia những đề án và dự án thực tế, sẵn sàng dẫn thân, chủ động chiếm lĩnh tri thức, nuôi dưỡng sự sáng tạo, thích ứng nghề nghiệp và tạo đam mê học tập suốt đời.

c) Phương pháp dạy và học

PHÂN NHÓM	GHI CHÚ	PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC
Các phương pháp chủ đạo (60%)	Được áp dụng phổ rộng trong nhiều môn học và xuyên suốt cả quá trình đào tạo	Học qua điển cứu (Case study) Lớp học đảo (Flipped Classroom) Tranh luận, tranh biện (Debate) Phương pháp thuyết giảng (Lecturing)
Các phương pháp bổ trợ (30%)	Tần suất áp dụng thấp hơn do đặc thù của phương pháp nhưng vẫn đóng một vài trò quan trọng hình thành năng lực người học	Phương pháp thực địa (On-site learning) Thực tập (Internship) Học trong quá trình làm/Học từ trải nghiệm (Embedded learning/Work-integrated learning)
Các phương pháp đặc thù (10%)	Chỉ áp dụng được trong một số môn học phù hợp nhất định, có tác dụng bổ khuyết một số năng lực, phẩm chất của người học mà các phương pháp khác còn khiếm khuyết	Học qua dự án (Project-based learning) Học qua phục vụ cộng đồng (Service Learning) Phương pháp đóng vai (Role play) Phương pháp điền dã (Field study)

PHÂN NHÓM	GHI CHÚ	PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC
		Phương pháp mô phỏng (Simulation) Phương pháp trò chơi hóa (Gamification)

d) Phương pháp đánh giá

Một môn học phải có ít nhất 3 thành phần đánh giá và thường không quá 5 thành phần được đánh ký hiệu A1, A2... A5, được phân bổ thời gian dần trải đều theo kế hoạch đào tạo, đảm bảo hợp lý và liên tục. Trong đó:

- A1 là thành phần bắt buộc, đánh giá qua các hoạt động tại lớp như thảo luận nhóm, tranh luận, thuyết trình, giải quyết vấn đề...

- A2 đến A5: Tùy biến theo môn học

(*) Nguyên tắc chung: Các thành phần đánh giá phải đảm bảo các nguyên tắc:

- Bài đánh giá bám sát chuẩn đầu ra của môn học bằng cách nêu rõ các CLO liên quan.
- Mỗi bài đánh giá có rubrics kèm theo để cương dưới dạng phụ lục.
- Không có một thành phần đánh giá nào chiếm trọng số lớn hơn 50%.
- Hạn chế tối đa hình thức thi kiểm tra kiến thức mang tính dữ kiện, nhớ, ghi chép.

(*) Các hình thức đánh giá

Các phương pháp đánh giá đa dạng được dùng để đánh giá được các kỹ năng toàn diện của sinh viên, do đó, không chỉ đánh giá kiến thức môn học mà còn đánh giá được cả các kỹ năng phát triển cá nhân, kỹ năng làm việc và học tập khác như: kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng phân tích vấn đề, kỹ năng viết báo cáo... Các phương pháp đánh giá bao gồm:

HÌNH THỨC ĐÁNH GIÁ	THƯỜNG ÁP DỤNG CHO PHẦN ĐÁNH GIÁ	
	QUÁ TRÌNH	KẾT THÚC MÔN
Đánh giá bài tập (Work Assignment)	X	
Thuyết trình (Oral Presentation)	X	X
Đánh giá hoạt động (Performance Test)	X	
Nhật ký thực tập (Journal and Blogs)	X	
Bài trắc nghiệm (Multiple Choice Exam)	X	X
Bài tự luận tập trung (Paper-based exam room)	X	X
Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam)		X
Viết báo cáo (Written Report)		X
Thuyết trình cá nhân (Oral Presentation)	X	X
Đánh giá làm việc nhóm (Teamwork)	X	
Báo cáo khóa luận (Graduation Thesis/ Report)		X

e) Cách tính điểm

Chương trình đào tạo sử dụng thang điểm như quy định tại Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Thái Bình Dương, ban hành theo Quyết định số 255/QĐ-ĐHTBD ngày 28/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương.

4.3. Điều kiện tốt nghiệp

Những sinh viên có đủ các điều kiện sau đây sẽ được xét công nhận tốt nghiệp:

- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình đào tạo.
- Điểm trung bình tích lũy toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên.
- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng- an ninh.
- Hoàn thành các môn học Giáo dục thể chất.
- Sinh viên có chuẩn đầu ra tương đương IELTS 6.5.
- Tích lũy đủ 3 tín chỉ môn học Công nghệ thông tin thời đại số là đồng nghĩa với sinh viên đạt chuẩn đầu ra tương đương chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.
- Một số quy định khác theo Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành theo Quyết định số 255/QĐ-ĐHTBD ngày 28/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương.

PHẦN 5. NỘI DUNG ĐÀO TẠO

5.1. Cấu trúc chương trình

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ		
		Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
1.	GIÁO DỤC TỔNG QUÁT	53	40	13
1.1.	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	15	5	10
1.2.	Ngoại ngữ	18	18	
1.3.	Chính trị	11	11	
1.4.	Thể chất và quốc phòng	9	6	3
2.	NGÀNH	71	50	21
2.1.	Cơ sở ngành	27	27	
2.2.	Cốt lõi ngành	23	23	
2.3.	Chuyên ngành	21		21
3.	TỐT NGHIỆP	6		6
	TỔNG SỐ TÍN CHỈ	130	90	40
4.	TÙY CHỌN MỞ RỘNG	45		45

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ		
		Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
4.1.	Song ngành	30		30
4.2.	Ngành phụ	15		15

5.2. Danh mục môn học

TT	Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ		
			Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
1.	GIÁO DỤC TỔNG QUÁT		53	40	13
1.1.	Kiến thức và kỹ năng khai phóng		15	5	10
1	CNTT109V1	Công nghệ thông tin thời đại số		3	
2	LUAT112V1	Dẫn luận pháp luật và quyền con người		2	
3	Sinh viên tự chọn tích lũy 10 tín chỉ các môn học thuộc khối kiến thức và kỹ năng khai phóng (Phụ lục 1).				10
1.2.	Ngoại ngữ		18	18	
4	TA128E1	English 1		3	
5	TA129E1	English 2		3	
6	TA130E1	English 3		3	
7	TA131E1	English 4		3	
8	TA132E1	English 5		3	
9	TA133E1	English 6		3	
1.3.	Chính trị		11	11	
10	GDTQ101V1	Triết học Mác - Lênin		3	
11	GDTQ102V1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin		2	
12	GDTQ103V1	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	
13	GDTQ104V1	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	
14	GDTQ105V1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2	
1.4.	Thể chất và quốc phòng <i>Không tính trung bình chung tích lũy</i>		9	6	3
15	GDTQ147V1	Giáo dục thể chất			3
16	GDTQ109V1	Giáo dục Quốc phòng - An ninh		6	

TT	Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ		
			Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
2.	NGÀNH		71	65	6
2.1.	Cơ sở ngành		27	27	
17	TA119E1	Listening for Daily Conversations		3	
18	TA120E1	Academic Listening		3	
19	TA121E1	Speaking for Daily Conversations		3	
20	TA122E1	Academic Speaking		3	
21	TA217E1	Public Speaking		3	
22	TA123E1	Critical Reading		2	
23	TA124E1	Academic Reading		2	
24	TA125E1	Professional Writing		3	
25	TA134E1	Academic Writing 1		2	
26	TA135E1	Academic Writing 2		3	
2.2.	Cốt lõi ngành		23	23	
27	TA210V1	Thực tập nhận thức Work-integrated learning		2	
28	TA213E1	Tìm hiểu về cấu trúc và ngữ pháp tiếng Anh Understanding English grammar and structure		3	
29	TA202E1	Phonetics and phonology		3	
30	TA203E1	Syntax		3	
31	TA214E1	World Literature in English		2	
32	TA215E1	Intercultural Communication		2	
33	TA218E1	Công dân toàn cầu Global citizenship		3	
34	TA208E1	Project 1: Survey of Languages in Society		2	
35	TA209E1	Project 2: Research project		3	
2.3.	Chuyên ngành		21		21
2.3.1.	Chuyên ngành: Tiếng Anh Thương mại-Du lịch (English for Business and Tourism) <i>Học và trải nghiệm để tự tin và thăng tiến nhanh chóng khi làm trong lĩnh vực du lịch và doanh nghiệp.</i>		21		21

TT	Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ		
			Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
35	TA352E1	Introduction to Hospitality and Tourism			3
36	TA351E1	English for Tourism and Restaurants			3
37	TA350E1	Hospitality Skills			3
38	TA313E1	English for On-site and Tour guiding			3
39	TA349E1	Translation and Interpreting in business			3
40	TA347E1	English for Business Communication			3
41	TA348E1	Human Resource Management			3
2.3.2.	Chuyên ngành: Giảng dạy Tiếng Anh (Teaching English as a foreign language) <i>Tích lũy kinh nghiệm dạy và học tiếng Anh với phương pháp tân tiến ngay trên ghế nhà trường.</i>		21		21
42	TA319E1	English Teaching Methodology			3
43	TA320E1	Practice of English Teaching			3
44	TA343E1	Technology in English Teaching			3
45	TA344E1	Assessments in English Teaching			3
46	TA323E1	Teaching English to young learners			3
47	TA345E1	Educational Psychology			3
48	TA346E1	Lesson Planning and Materials Development			3
3.	TỐT NGHIỆP <i>Sau khi sinh viên hoàn thành tất ít nhất 70% số tín chỉ của CTĐT (84 tín chỉ, không kể tín chỉ GDTC và GDQP), sinh viên có thể đăng ký học phần tốt nghiệp theo MỘT trong hai hướng sau:</i> <i>- Thực tập tốt nghiệp và chuyên luận (6 tín chỉ): Ngoài quy định chung về thực tập của trường, báo cáo thực tập tối thiểu 10 trang và chuyên luận tối thiểu 5 trang A4.</i> <i>- Khóa luận tốt nghiệp (6 tín chỉ): GPA tối thiểu tại thời điểm đăng ký là 2.8. Báo cáo khóa luận tối thiểu 30 trang A4.</i>		6		6
49	TA401V1	Thực tập tốt nghiệp			6
50	TA402V1	Khóa luận tốt nghiệp			6
4.	TÙY CHỌN MỞ RỘNG		45		45
4.1.	Song ngành <i>Sinh viên có thể tích lũy thêm tối thiểu 30 tín chỉ từ khối lượng kiến thức bắt buộc trong CTĐT ngành khác theo quy định về các khối kiến thức song ngành của ngành tương ứng (trừ các môn học đã tính tích lũy trong CTĐT đang học) và được cấp giấy chứng nhận (không phải bằng đại học thứ 2) (Phụ lục 2).</i>		30		30

TT	Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ		
			Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
4.2.	Ngành phụ		15		15
	Sinh viên có thể tích lũy thêm tối thiểu 15 tín chỉ từ khối lượng kiến thức bắt buộc trong CTĐT ngành khác, theo quy định (trừ các môn học đã tính tích lũy trong CTĐT đang học) và được cấp giấy chứng nhận (Phụ lục 3).				

5.3. Hoạt động hỗ trợ đào tạo

Phương châm: Sống cũng là học thông qua Extracurricular activities.

Extracurricular activities (EC) thường được dịch sang tiếng Việt là 'hoạt động ngoại khóa', có nghĩa là bên ngoài khóa học, thường bao gồm các hoạt động của Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, các câu lạc bộ văn thể mỹ, thiện nguyện, v.v. Xác định các hoạt động này 'bên ngoài khóa học' là bởi chúng không phải là một phần của chương trình đào tạo hay môn học cụ thể nào, và do đó cũng không đóng góp vào điểm số và kết quả học tập của sinh viên.

Dù không chi phối đến kết quả học tập của sinh viên, EC vẫn có tác động quan trọng vào hình thành năng lực của người học. Để tránh hiểu nhầm rằng EC không có đóng góp gì cho sinh viên, nhà trường không gọi đây là 'hoạt động ngoại khóa' đơn thuần, mà coi đó là 'sự trải nghiệm đời sống sinh viên, sống cũng là học'. Trải nghiệm càng sâu thì học được càng nhiều.

a) Tham gia Đoàn - Hội và phát triển Đảng

Đoàn trường Đại học Thái Bình Dương và Hội Sinh viên Trường là 02 tổ chức chính trị - xã hội của thanh niên và sinh viên TBD, được hình thành từ những ngày đầu thành lập trường. Qua hơn chục năm phát triển, các tổ chức này đã không ngừng lớn mạnh và tạo lập nhiều hoạt động trải nghiệm làm phong phú đời sống sinh viên. Một số hoạt động nổi bật như Mùa hè xanh, Tiếp sức mùa thi, Hội trại thường niên, Hội thao thường niên, Liên hoan văn nghệ thường niên.

Tròng nhiều năm qua, Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên Trường đã luôn chú trọng công tác phát hiện, bồi dưỡng đoàn viên ưu tú để giới thiệu cho Đảng xem xét và kết nạp.

b) Thể hiện bản thân ở các câu lạc bộ

Trường Đại học Thái Bình Dương tạo điều kiện để phát triển các câu lạc bộ (CLB) sinh viên nhằm đa dạng hóa trải nghiệm đời sống sinh viên. Nhà trường sẵn sàng tạo điều kiện, hỗ trợ kinh phí ban đầu cho các CLB hoạt động. Hiện TBD đã có nhiều CLB hình thành và đi vào hoạt động thiết thực: CLB Nghề Luật, CLB Khởi nghiệp, CLB Tiếng Anh, CLB Guitar, CLB Dancing, các CLB thể thao bộ môn, các CLB thiện nguyện...

Mỗi CLB đều có những nét riêng về định hướng và văn hóa sinh hoạt. Sinh viên chủ động liên hệ thêm để tìm hiểu tham gia. Nhà trường có thể cung cấp một số nét chính về chủ trương như sau: (1) CLB sinh viên là do sinh viên kết nối, thành lập và làm chủ; (2) Nhà trường tạo điều kiện về chính sách, không gian hoạt động và một khoản kinh phí; (3) Đoàn - Hội là đơn vị cầu nối để phát huy những hỗ trợ của trường đến với CLB. Với các CLB cấp trường, Hội Sinh viên Trường có thể ra quyết định thành lập CLB như là một cách để hỗ trợ CLB hình thành ban đầu, tạo cho CLB một chỗ dựa về mặt cơ chế, nhưng vẫn giữ nguyên tắc 'CLB sinh viên là của sinh viên, do sinh

viên chủ động phát triển'; (4) Các Khoa đóng vai trò hỗ trợ thành lập và tạo điều kiện phát triển đối với các CLB gắn liền với chuyên môn Khoa (CLB cấp khoa).

c) Bồi dưỡng văn hóa đọc và nhiều điều khác tại thư viện

Thư viện Đại học Thái Bình Dương là một trung tâm thông tin thân thiện với người dùng, cung cấp môi trường hỗ trợ học tập phù hợp giá trị cốt lõi của nhà trường. Là một không gian phức hợp, bao gồm các khu vực làm việc nhóm, khu vực học tập độc lập và khu vực học tập chung, thư viện là nơi lý tưởng cho người đọc trong các hoạt động học tập, giảng dạy và nghiên cứu.

Thư viện TBD còn là nơi tạo cảm hứng và khơi dậy niềm đam mê tìm hiểu, sáng tạo, mở rộng tầm nhìn, đón nhận tích cực, thông qua các hoạt động thường xuyên như nói chuyện, thuyết trình, thảo luận sách, triển lãm, chiếu phim, giới thiệu tác phẩm.

Nhà trường còn chủ trương xây dựng thư viện thành một "không gian tự quản". Theo đó, thư viện không chỉ mở cửa theo giờ làm việc thông thường, mà còn mở rộng giờ hoạt động tối đa theo nhu cầu của sinh viên, đặc biệt là đối với các sinh viên đang ở ký túc xá. Sinh viên được trao quyền tự quản và sử dụng thư viện trong các giờ mở rộng này. Tùy theo nhu cầu của sinh viên mà thời gian mở rộng sẽ được nới dần, với mục tiêu lâu dài tạo được một thư viện mở cửa 24/7.

d) Tận hưởng đời sống ký túc xá ở TBD Campus Resort

Ký túc xá (KTX) Trường Đại học Thái Bình Dương được bố trí ngay trong khuôn viên nhà trường (on-campus), không phải chỉ vì lý do thuận tiện đi lại, mà vì một tiêu xa hơn. Đó là để xây dựng một cuộc sống "khai phóng" trong KTX. Qua đó, xây dựng những cư dân KTX có năng lực xây dựng mối quan hệ, với trí thông minh cảm xúc, có trách nhiệm cá nhân, và biết quan tâm đến người khác.

e) Thỏa sức đam mê ở Trung tâm Thể dục thể thao TBD

Hiện tại, khu thể thao đa năng đã cung cấp các dịch vụ sân bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ. Đang tiến tới hoàn thành các hạng mục khác gồm sân tennis, bóng bàn và võ thuật.

PHẦN 6. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

6.1. Đối sánh sự đóng góp của mỗi môn học vào chuẩn đầu ra của chương trình

MA TRẬN CHUẨN ĐẦU RA

TT	Mã môn học	Tên môn học	PLO								
			1	2	3	4	5	6	7	8	9
Giáo dục tổng quát											
1	GDTQ101V1	Triết học Mác-Lê Nin							X		
2	GDTQ102V1	Kinh tế chính trị Mác-Lê Nin							X		
3	GDTQ103V1	Chủ nghĩa xã hội khoa học							X		
4	GDTQ104V1	Tư tưởng Hồ Chí Minh							X		
5	GDTQ105V1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam							X		
6	TA128E1	English 1			X	X	X				
7	TA129E1	English 2			X	X	X				
8	TA130E1	English 3			X	X	X				

TT	Mã môn học	Tên môn học	PLO								
			1	2	3	4	5	6	7	8	9
9	TA131E1	English 4			X	X	X				X
10	TA132E1	English 5			X	X	X				
11	TA133E1	English 6			X	X	X				X
12	CNTT109V1	CNTT thời đại số				X				X	X
13	LUAT112V1	Dẫn luận vào pháp luật và quyền con người				X				X	X
14	Cơ sở ngành	Kiến thức và kỹ năng khai phóng (10 tín chỉ)				X				X	X
Cơ sở ngành											
15	TA119E1	<i>Listening for Daily Conversations</i>	X		X				X		
16	TA120E1	<i>Academic Listening</i>	X		X					X	
17	TA121E1	<i>Speaking for Daily Conversations</i>	X		X				X		
18	TA122E1	<i>Academic Speaking</i>	X		X					X	
19	TA217E1	<i>Public Speaking</i>	X		X		X			X	
20	TA123E1	<i>Critical Reading</i>	X		X						X
21	TA124E1	<i>Academic Reading</i>	X		X					X	
22	TA125E1	<i>Professional Writing</i>	X		X	X					X
23	TA134E1	<i>Academic Writing 1</i>	X		X					X	
24	TA135E1	<i>Academic Writing 2</i>	X		X		X			X	
Cốt lõi ngành											
25	TA210V1	Thực tập nhận thức <i>Workplace preparation</i>				X			X	X	
26	TA213E1	<i>Understanding English grammar and structure</i>	X		X				X		
27	TA202E1	<i>Phonetics and phonology</i>	X		X						
28	TA203E1	<i>Syntax</i>	X	X	X						
29	TA214E1	<i>World literature in English</i>	X		X	X		X			
30	TA215E1	<i>Intercultural Communication</i>	X		X	X			X		
31	TA218E1	<i>Global citizenships</i>				X			X		
32	TA208E1	<i>Project 1: Survey of Languages in Society</i>				X			X		
33	TA209E1	<i>Project 2: Research Project</i>			X			X			
Chuyên ngành: Tiếng Anh Thương mại - Du lịch (English for Business and Tourism)											
34	TA352E1	Introduction to Hospitality and Tourism		X	X			X		X	
35	TA351E1	English for Tourism and Restaurants		X	X			X	X	X	
36	TA350E1	Hospitality Skills		X	X			X	X	X	
37	TA313E1	English for On-site and tour guiding			X				X	X	
38	TA349E1	Translation and Interpreting in Business		X	X			X	X	X	
39	TA347E1	English for Business Communication		X	X			X	X	X	
40	TA348E1	Human Resource Management		X	X	X	X		X	X	

TT	Mã môn học	Tên môn học	PLO								
			1	2	3	4	5	6	7	8	9
Chuyên ngành: Giảng dạy tiếng Anh (Teaching English as a foreign language)											
41	TA319E1	English teaching methodology	X		X		X	X	X	X	
42	TA320E1	Practice of English teaching	X		X		X	X	X	X	
43	TA343E1	Technology in English teaching	X		X		X	X	X	X	
44	TA344E1	Assessments in English teaching	X		X		X	X	X	X	
45	TA323E1	Teaching English to young learners	X		X		X	X	X	X	
46	TA345E1	Educational Psychology	X		X		X	X	X	X	
47	TA346E1	Lesson Planning and Materials Development	X		X		X	X	X	X	
Tốt nghiệp											
48	TA401V1	Thực tập tốt nghiệp	X	X	X	X	X	X	X	X	
49	TA402V1	Khóa luận tốt nghiệp	X	X	X	X	X	X	X	X	

6.2. Đối sánh với một số chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo khác

CTĐT1: Đại học Ngoại ngữ - ĐHQG Hà Nội

https://1drv.ms/u/s!Avgu8rxa_TdyhsN-LVAwE0mlcOCHhw?e=mF1Rci

CTĐT2: Đại học Quốc Tế - ĐHQG TP HCM

<https://el.hcmiu.edu.vn/chuong-trinh/ngon-ngu-anh/chuong-trinh-dao-tao/>

CTĐT3: Đại học Nha Trang

https://1drv.ms/b/s!Avgu8rxa_TdyhsN6GmlnxT9CIJkA9w?e=L5403a

CTĐT4: Đại học Hoa Sen

https://1drv.ms/b/s!Avgu8rxa_TdyhsN7GO_-akfXcCfBYw?e=tqyhsH

CTĐT5: Đại học Tôn Đức Thắng

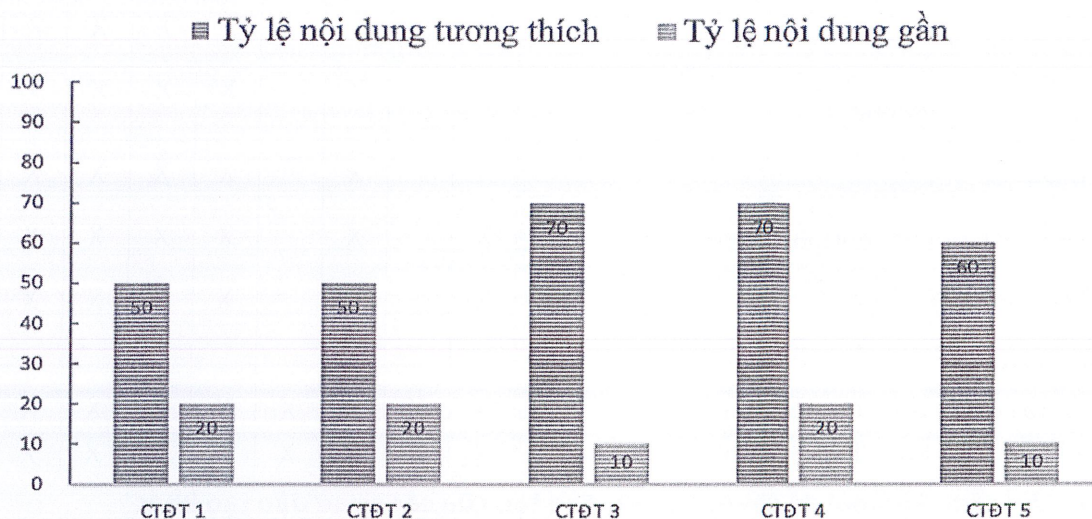
<https://admission.tdtu.edu.vn/dai-hoc/ngon-ngu-anh-f7220201>

	CTĐT1	CTĐT2	CTĐT3	CTĐT4	CTĐT5
Giáo dục tổng quát	T	T	T	T	T
Cơ sở ngành	G	T	T	T	G
Cốt lõi ngành	G	G	T	T	T
Giảng dạy tiếng Anh	T	T	T	T	T
Tiếng Anh Thương mại Du lịch	T	T	T	T	T
Thực tập nhận thức	G	G	G	T	G
Thực tập tốt nghiệp	T	T	T	T	T

Khóa luận tốt nghiệp	T	T	T	T	T
Tỷ lệ nội dung tương thích	5/8	6/8	7/8	8/8	6/8
Tỷ lệ nội dung gần	3/8	2/8	1/8	0/8	2/8

G: học phần có nội dung gần

T: học phần có nội dung tương thích



So sánh tỷ lệ cấu trúc chương trình đào tạo (CTĐT)

PHẦN 7. LỘ TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

7.1. Lộ trình đào tạo tối ưu

LỘ TRÌNH 3,5 NĂM – 11 HỌC KỲ

TT	NĂM THỨ 1	Số tín chỉ	Ghi chú	
		36		
	HỌC KỲ 1	13		
1	Công nghệ thông tin thời đại số	3		AB
2	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	2	Tự chọn	AB
3	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	2	Tự chọn	AB
4	English 1	3		AB
5	Công dân toàn cầu	3		AB
	HỌC KỲ 2	6		
1	English 2	3		
2	Speaking for Daily Conversations	3		
	HỌC KỲ 3	17		
1	English 3	3		A

3	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	3	Tự chọn	A
4	English 4	3		B
5	Dẫn luận pháp luật và quyền con người	2		B
6	Academic Speaking	3		
TT	NĂM THỨ 2	Số tín chỉ	Ghi chú	
		42		
	HỌC KỲ 4	18		
1	English 5	3		A
2	Academic Listening	3		A
3	Kiến thức và kỹ năng khai phóng	3	Tự chọn	A
4	Giáo dục quốc phòng - an ninh (3 tuần)	6		B
5	Thực tập nhận thức	3		B
	HỌC KỲ 5	6		
1	English 6	3		
2	Public Speaking	3		
	HỌC KỲ 6	15		
1	Giáo dục thể chất	3		A
2	Understanding English Grammar and Structure	3		A
3	Critical Reading	2		A
4	Triết học Mác - Lênin	3		B
5	Academic Writing 1	2		B
6	Academic Reading	2		B
TT	NĂM THỨ 3	Số tín chỉ	Ghi chú	
		40		
	HỌC KỲ 7	17		
1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		A
2	Academic Writing 2	3		A
3	Phonetics and Phonology	3		A
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		B
5	Professional Writing	3		B
6	World Literature in English	2		B
7	Project 1: Survey of Languages in Society	2		B
	HỌC KỲ 8	5		
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		

2	Syntax	3		
HỌC KỲ 9		16		
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		A
2	Intercultural Communication	2		A
3	Project 2	3		A
4	Chuyên ngành 1: - English Teaching Methodology - Introduction to Hospitality and Tourism	3		B
5	Chuyên ngành 2: - Educational Psychology - English for Tourism and Restaurants	3		B
6	Chuyên ngành 3: - Lesson Planning and Materials Development - Hospitality Skills	3		B
7	Chuyên ngành 4: - Technology in English Teaching - English for On-site and Tour Guiding	3		B
TT	NĂM THỨ 4	Số tín chỉ	Ghi chú	
		15		
HỌC KỲ 10		15		
1	Chuyên ngành 5: - Teaching English to Young Learners - English for Business Communication	3		A
2	Chuyên ngành 6: - Practice of English Teaching - Human Resource Management	3		A
3	Chuyên ngành 7: - Assessments in English Teaching - Translation and Interpreting in Business	3		A
4	Thực tập/khóa luận tốt nghiệp	6		B
HỌC KỲ 11		0		
1	Thực tập/khóa luận tốt nghiệp (tiếp tục)	6		

7.2. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Các học phần tự chọn trong nhóm học phần Giáo dục tổng quát, tự chọn chuyên ngành, việc xem xét mở môn tùy thuộc vào điều kiện thực tế tại từng học kỳ như sĩ số sinh viên đăng ký, giảng viên, các điều kiện cơ sở vật chất.

- Tất cả các học phần được giảng dạy theo Đề cương môn học đã được duyệt và phải được cung cấp, giải thích cho sinh viên ngay từ đầu học kỳ.

- Tùy theo số tín chỉ đã tích lũy ở bất kỳ thời điểm xem xét, sinh viên sẽ được phân loại theo năm học như sau:

Loại SV	Số tín chỉ đạt
SV năm I	0 - 41
SV năm II	42 - 77
SV năm III	78 - 124
SV năm IV	Từ 125 trở lên

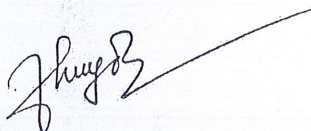
- Việc phân loại sinh viên theo số tín chỉ, so sánh với số năm học danh nghĩa cũng là căn cứ để xác định tình trạng học tập của sinh viên. Do đó, sinh viên cần có kế hoạch học tập cá nhân phù hợp để hoàn thành Chương trình đào tạo trong thời gian tối đa được phép học tại trường.

- Nhà trường công bố kế hoạch học tập của cả năm học trước khi năm học mới bắt đầu.

- Căn cứ kế hoạch học tập theo từng năm học/ học kỳ và kế hoạch đào tạo theo thời gian của chương trình đào tạo, Khoa/ Bộ môn hướng dẫn sinh viên đăng ký các môn học bắt buộc và lựa chọn các môn học tự chọn phù hợp.

KT. Trưởng Bộ môn

P. Trưởng Bộ môn



TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền

KT. Hiệu trưởng

Phó Hiệu trưởng



TS. Phạm Quốc Lộc

